TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v Ly hôn giữa chị E và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bé Em.
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Cao Thị Diễm E, sinh năm 1986. Có mặt
* *Bị đơn*: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983. Có mặt
Cùng địa chỉ: ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Diễm E trình bày:

Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và cưới nhau năm 2005. Đến năm 2011 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không được đầm ấm do tính tình không phù hợp, thường bất đồng ý kiến. Năm 2012 giữa vợ chồng có sống ly thân trong thời gian khoản 01 năm nguyên nhân do bất đồng quan điểm về kinh tế chung của vợ chồng, sau đó vì nghĩ đến con nên chị quay về tiếp tục chung sống với anh H, cuộc sống cũng bình thường. Cách nay khoản 03 tháng thì anh H đi nhậu say về, dùng dao kề cổ và dọa giết chị, anh đã chặt nát điện thoại di động

của chị. Do quá hoảng sợ và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh H.

Về con chung: có Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 17/9/2010 hiện đang sống chung với chị E. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị E về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay. Lần trước vợ chồng ly thân khoản 01 năm nguyên nhân mâu thuẫn không lớn, chỉ là bất đồng ý kiến về đời sống kinh tế của gia đình. Sự việc xảy ra cách nay 03 tháng là do anh sai, anh hứa sẽ thay đổi tính tình, không nhậu nữa để vợ chồng chung sức nuôi dạy con. Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý để con chung tiếp tục sống với mẹ, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

[1] Chị Cao Thị Diễm E và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện cưới nhau vào năm 2006 nhưng đến năm 2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 vào ngày 18/11/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh H cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, chị E vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H vì cho rằng bất đồng quan điểm sống giữa anh chị là quá lớn, không thể dung hòa được. anh H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và thương con, muốn vợ cho anh cơ hội để sửa chửa sai lầm và cùng vợ nuôi dạy con nên người. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh thì được biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị E, anh H là do anh H ghen, nghi ngờ chị E có mối quan hệ với người khác bên ngoài, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Chị E thuê nhà trọ sống riêng và làm nghề buôn bán trái cây. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị E, anh H đã phát sinh từ lâu, đã từng có thời gian sống ly thân rồi trở về

chung sống nhưng hiện nay vẫn tiếp tục sống ly thân chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị E và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị E là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 17/9/2010 hiện nay đang sống chung với chị E. Nguyện vọng của cháu A cũng muốn được sống cùng với mẹ. Anh H đồng ý để con chung tiếp tục sống với mẹ trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn nên yêu cầu được nuôi con chung của chị E được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ghi nhận việc chị E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xE xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị E phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; 56; 81, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị Diễm E và anh Nguyễn Xuân H.

2. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 17/9/2010 cho chị Cao Thị Diễm E trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Cao Thị Diễm E phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011296 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Chị E đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Bến Tre;*
- *Chi cục THADS tp BT;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã NT, tp BT*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương